

Số: 129 /2013/BC/STV - HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
6 Tháng đầu năm 2013

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên Công ty đại chúng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp CNC, Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 04 33 688 306 Fax: 04 33 688 305
- Vốn điều lệ: **45.127.500.000** đồng (*Bốn mươi năm tỷ một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*)
- Mã chứng khoán : **STV**

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT):

1. Các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Trí Dũng	Chủ tịch HĐQT	6	100%	
2	Ông Ngô Mạnh Quân	UV HĐQT	6	100%	
3	Ông Ninh Quốc Cường	UV HĐQT – Phó GD	5	83%	Nghỉ phép
4	Ông Phạm Minh Hùng	UV HĐQT – Phó GD	4	100%	
5	Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp	UV HĐQT	6	100%	
6	Phí Anh Dũng	UV HĐQT – Giám đốc	2	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- Trong 6 tháng đầu năm 2013, trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua, các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp, luôn bám sát tình hình thực tế để đưa ra các quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi để cho Ban Giám đốc điều hành tốt hoạt động SXKD của công ty.

- Bên cạnh đó HĐQT thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác điều hành của Giám đốc, chỉ đạo và hỗ trợ Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Cụ thể các hoạt động giám sát của H ĐQT đối với Ban Giám đốc được thể hiện ở các điểm sau:

- ✓ Chỉ đạo Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch SXKD năm 2013 phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013;
- ✓ Chỉ đạo lập kế hoạch, chuẩn bị hồ sơ và các công việc liên quan khác của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013;
- ✓ Chỉ đạo lập và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012;
- ✓ Chỉ đạo lập và thực hiện soát xét kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013;
- ✓ Chỉ đạo việc thực hiện thành công đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược để tăng vốn điều lệ từ 41.025.000.000 đồng lên 45.127.500.000 đồng;
- ✓ Chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, đảm bảo tính công khai, minh bạch, kịp thời và chính xác;
- ✓ Phê duyệt việc thực hiện các dự án đầu tư;
- ✓ Chỉ đạo việc phân tích, báo cáo các chỉ tiêu tài chính các quý, bán niên để có giải pháp kịp thời đảm bảo nguồn vốn, hiệu quả hoạt động và bảo toàn nguồn vốn.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Làm đầu mối giúp HĐQT chuẩn bị hồ sơ, tài liệu cho các cuộc họp của HĐQT theo đúng thể thức quy định;
- Soạn thảo thư tín, văn bản, Nghị quyết của HĐQT Công ty được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- Thực hiện chức năng giúp việc cho HĐQT như cố vấn cho HĐQT xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2013; cố vấn cho HĐQT hoạch định chiến lược phát triển của Công ty đến năm 2015; Thúc đẩy, giám sát việc thực hiện chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;

II. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua theo 02 hình thức: tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong 6 tháng đầu năm 2013, Hội đồng quản trị đã thông qua một số nội dung quan trọng sau:

55916-C
G TY
HÂN
ÁC ĐÁ
NAM
ĐT - TP - H

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2013/NQ/STV-HĐQT	18/01/2013	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013
2	01A/2013/NQ/STV-HĐQT	01/02/2013	Lựa chọn đối tác chiến lược chào bán cổ phiếu riêng lẻ
3	02/NQ/STV-HĐQT	09/03/2013	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam
4	03/2013/NQ/STV-HĐQT	20/03/2013	Phê duyệt hồ sơ ĐHCĐ thường niên năm 2013
5	01/2013/NQ/STV – ĐHCĐ	23/03/2013	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2013
6	04/NQ/STV-HĐQT	26/03/2013	Bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 Miễn nhiệm và bổ nhiệm Giám đốc Công ty
7	05/2013/NQ/STV-HĐQT	26/03/2013	Tăng vốn điều lệ năm 2013; Thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
8	06/2013/NQ/STV-HĐQT	12/06/2013	Phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo toán chính soát xét và năm 2013

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Danh sách kèm theo)

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan:

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan (Danh sách kèm theo)
2. Giao dịch cổ phiếu: Không có giao dịch nào
3. Các giao dịch khác: Không có giao dịch nào.

V. Các vấn đề cần lưu ý khác

Nơi gửi:

- Như k/g

- Lưu VT, QHCD 



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Trí Dũng

III - DANH SÁCH THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Trí Dũng		Chủ tịch HĐQT	161914249	14/06/2007	CA Nam Định	Số 39, Ngõ 37, Vĩnh Hồ, Đống Đa, Hà Nội	22/04/2010		
1.1	Chu Thị Vân Thương			012716514	12/6/2004	CA TP Hà Nội	Số 39, Ngõ 37, Vĩnh Hồ, Đống Đa, Hà Nội			
1.2	Phạm Chu Ngọc Mai			còn nhỏ			Số 39, Ngõ 37, Vĩnh Hồ, Đống Đa, Hà Nội			
1.3	Phạm Chu Tuấn Minh			còn nhỏ			Số 39, Ngõ 37, Vĩnh Hồ, Đống Đa, Hà Nội			
1.4	Phạm Đình Phùng			160179373	05/10/2005	CA Nam Định	Xóm A, xã hải Lý, Hải Hậu, Nam Định			
1.5	Vũ Thị Lợi			160179731	28/06/2007	CA Nam Định	Nhà 15, Ngách 20, Ngõ 29, Vĩnh Tuy, Hà Nội			
1.6	Phạm Thúy Quỳnh			161632117	11/6/1984	CA Nam Định	Nhà 39, Ngõ 16, Phan Văn Trường, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội			
1.7	Phạm Đức Trọng			162038570	29/01/1977	CA Nam Định	P401, nhà 1719 Khu TT Trung Hòa-Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội			
2	Phí Anh Dũng		UV HĐQT, Giám đốc	011708658	15/05/2008	CA TP Hà Nội	Số 81 A, Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	23/03/2013		
2.1	Lý Thị Thủy Hồng			012454444	2/7/2004	CA TP Hà Nội	Số 81 A, Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			
2.2	Phí Linh Đan			còn nhỏ			Số 81 A, Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			
2.3	Phí Việt Hoàng			còn nhỏ			Số 81 A, Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			
2.4	Phí Văn Hải			012075054	12/4/2007	CA TP Hà Nội	611 Lạc Long Quân, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội			
2.5	Trần Thị Thúy Viên			011708657	12/4/2007	CA TP Hà Nội	611 Lạc Long Quân, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội			
2.6	Phí Minh Sơn						Cộng Hòa Liên Bang Đức			
2.7	Phí Thị Lan Hương			011962901	1/12/2012	CA TP Hà Nội	Số 9, Ngõ Trung Yên, Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội			

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
3	Ngô Mạnh Quân		UV HĐQT	012188920	24/03/1999	CA TP Hà Nội	21.3, CT2, chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	20/04/2012		
3.1	Trịnh Ngọc Diệp			011893635	15/03/2012	CA TP Hà Nội	P 2103, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
3.2	Ngô Ngọc Lam			Còn nhỏ			P 2103, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
3.3	Ngô Trí Nguyễn			Còn nhỏ			P 2103, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
3.4	Ngô Hữu Phong			012224726	12/4/1999	CA TP Hà Nội	P6.06, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
3.5	Đặng Hoàng Thu			012224741	12/5/1999	CA TP Hà Nội	P6.06, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
3.6	Ngô Đăng Phú			012711699	21/09/2011	CA TP Hà Nội	P6.06, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
4	Phạm Minh Hùng		Phó Giám đốc	012016143	05/03/2004	CA TP Hà Nội	SN54, Tổ 15, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	26/06/2008		
4.1	Nguyễn Thị Hà			012637178	05/09/2003	CA TP Hà Nội	SN54, Tổ 15, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội			
4.2	Phạm Minh Hà Anh			còn nhỏ			SN54, Tổ 15, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội			
4.3	Phạm Minh Đại Nghĩa			còn nhỏ			SN54, Tổ 15, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội			
4.4	Phạm Thanh Hòa			012826946	27/10/2005	CA TP Hà Nội	CT3, Khu Tập thể Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội			
5	Ninh Quốc Cường		UV HĐQT, P.Giám đốc	013171863	28/03/2009	CA TP Hà Nội	SN 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	18/10/2009		
5.1	Ninh Thị Lan			013153428		CA TP Hà Nội	SN 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội			
5.2	Ninh Kiều Trang			013162344		CA TP Hà Nội	SN 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội			
5.3	Ninh Thị Phương			013467104		CA TP Hà Nội	SN 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội			
5.4	Ninh Phương Quỳnh			còn nhỏ			SN 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội			
5.5	Ninh Thị Oanh						Yên Ninh, Ý Yên, Nam Định			
5.6	Ninh Văn Dũng						Yên Ninh, Ý Yên, Nam Định			

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
5.7	Ninh Gia Thịnh						Kiên Lương, Kiên Giang			
6	Nghiêm Thị Ngọc Diệp		UV HĐQT	012833245	19/12/2005	CA TP Hà Nội	1007 - 18T2 Khu ĐTTTHNC, Hà Nội	23/08/2012		
6.1	Phạm Hùng			012899630	1/9/2006	CA TP Hà Nội	1007 - 18T2 Khu ĐTTTHNC, Hà Nội			
6.2	Phạm Việt Bảo			Còn nhỏ			1007 - 18T2 Khu ĐTTTHNC, Hà Nội			
6.3	Nghiêm Chí Dũng			011799642	29/07/2010	CA TP Hà Nội	Sn 32, Ngách 1194 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội			
6.4	Lâm Thị Hào			010233146	3/7/2007	CA TP Hà Nội	Sn 32, Ngách 1194 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội			
6.5	Nghiêm Trọng Đại			012695215	22/04/2004	CA TP Hà Nội	Sn 32, Ngách 1194 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội			
7	Trần Thị Đức Hạnh		Kế toán trưởng người CBTT	011759694	17/08/2010	CA TP Hà Nội	Số 15, Ngõ 66, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	01/11/2011		
7.1	Nguyễn Huy Cường			011686295	25/12/2009	CA TP Hà Nội	Số 15, Ngõ 66, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội			
7.2	Nguyễn Huy Hoàn			còn nhỏ			Số 15, Ngõ 66, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội			
7.3	Phạm Thị Thoa			011026085	03/12/2002	CA TP Hà Nội	SN 123, TT viện thiết kế, xã Trung Văn, Hà Nội			
7.4	Trần Đăng Đức			011477647	18/12/1998	CA TP Hà Nội	SN 123, TT viện thiết kế, xã Trung Văn, Hà Nội			
8	Lương Xuân Mẫn		TB Kiểm soát	011346554	25/12/2007	CA TP Hà Nội	P504CT5 - ĐN2, Khu ĐT Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội	26/06/2008		
8.1	Huỳnh Thị Phương Dung			111584941	3/3/2003	CA TP Hà Nội	P504CT5 - ĐN2, Khu ĐT Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội			
8.2	Lương Thị Hạnh Ngân			112230862	9/9/2005	CA TP Hà Nội	P504CT5 - ĐN2, Khu ĐT Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội			
8.3	Lương Xuân Phú			013088005	26/05/2008	CA TP Hà Nội	P504CT5 - ĐN2, Khu ĐT Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội			
8.4	Lương Thị Huân		Mất chứng minh thư				Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội			
8.5	Lương Thị Liên			111984824	09/04/2003	CA TP Hà Nội	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội			
8.6	Lương Thị Cường		Mất chứng minh thư				Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội			

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
8.7	Lương Thị Thanh			111356292	26/08/1995	CA TP Hà Nội	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội			
8.8	Lương Tuấn Minh			111120602	21/05/1999	CA TP Hà Nội	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội			
8.9	Lương Thị Lan			111059637	11/04/2005	CA TP Hà Nội	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội			
8.10	Lương Minh Tuấn			012641894	15/09/2006	CA TP Hà Nội	Phùng Chí Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội			
9	Trần Lan Phương		TV Ban kiểm soát	186639011	11/06/2005	CA Nghệ An	P403, Tập thể D11, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	23/03/2013		
9.1	Lê Thị Nhân			186944790	16/11/2007	CA Nghệ An	TP Vinh, Nghệ An			
9.2	Trần Công Huy			187143450	18/06/2009	CA Nghệ An	TP Vinh, Nghệ An			
10	Nguyễn Phương Thúy		TV Ban kiểm soát	090724528	16/07/2003	CA Thái Nguyên	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	26/06/2008		
10.1	Đặng Đình Vũ			111377177	25/04/2006	CA Hà Nội	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội			
10.2	Lưu Thị Thanh Bình			090574017	13/09/1986	CA Thái Nguyên	Gia Sàng - Thái Nguyên			
10.3	Nguyễn Đức Quang			090711171	27/03/2012	CA Thái Nguyên	Gia Sàng - Thái Nguyên			

IV - 1. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Trí Dũng		Chủ tịch HĐQT	161914249	14/06/2007	CA Nam Định	Số 39, Ngõ 37, Vĩnh Hồ, Đống Đa, Hà Nội	8,100	0.18	
1.1	Chu Thị Vân Thương			012716514	12/6/2004	CA TP Hà Nội	Số 39, Ngõ 37, Vĩnh Hồ, Đống Đa, Hà Nội			
1.2	Phạm Chu Ngọc Mai			còn nhỏ			Số 39, Ngõ 37, Vĩnh Hồ, Đống Đa, Hà Nội			
1.3	Phạm Chu Tuấn Minh			còn nhỏ			Số 39, Ngõ 37, Vĩnh Hồ, Đống Đa, Hà Nội			
1.4	Phạm Đình Phùng			160179373	05/10/2005	CA Nam Định	Xóm A, xã hải Lý, Hải Hậu, Nam Định			
1.5	Vũ Thị Lợi			160179731	28/06/2007	CA Nam Định	Nhà 15, Ngách 20, Ngõ 29, Vĩnh Tuy, Hà Nội			
1.6	Phạm Thúy Quỳnh			161632117	11/6/1984	CA Nam Định	Nhà 39, Ngõ 16, Phan Văn Trường, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội			
1.7	Phạm Đức Trọng			162038570	29/01/1977	CA Nam Định	P401, nhà 17T9 Khu TT Trung Hòa-Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội			
2	Phí Anh Dũng		UY HĐQT, Giám đốc	011708658	15/05/2008	CA TP Hà Nội	Số 81 A, Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			
2.1	Lý Thị Thúy Hồng			012454444	2/7/2004	CA TP Hà Nội	Số 81 A, Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			
2.2	Phí Linh Đan			còn nhỏ			Số 81 A, Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			
2.3	Phí Việt Hoàng			còn nhỏ			Số 81 A, Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			
2.4	Phí Văn Hải			012075054	12/4/2007	CA TP Hà Nội	611 Lạc Long Quân, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội			
2.5	Trần Thị Thúy Viên			011708657	12/4/2007	CA TP Hà Nội	611 Lạc Long Quân, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội			
2.6	Phí Minh Sơn						Cộng Hòa Liên Bang Đức			

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.7	Phí Thị Lan Hương			011962901	1/12/2012	CA TP Hà Nội	Số 9, Ngõ Trung Yên, Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội			
3	Ngô Mạnh Quân		UV HĐQT	012188920	24/03/1999	CA TP Hà Nội	21.3, CT2, chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	100,000	2.22	
3.1	Trịnh Ngọc Diệp			011893635	15/03/2012	CA TP Hà Nội	P 2103, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
3.2	Ngô Ngọc Lam			Còn nhỏ			P 2103, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
3.3	Ngô Trí Nguyễn			Còn nhỏ			P 2103, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
3.4	Ngô Hữu Phong			012224726	12/4/1999	CA TP Hà Nội	P6.06, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
3.5	Đặng Hoàng Thu			012224741	12/5/1999	CA TP Hà Nội	P6.06, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
3.6	Ngô Đăng Phú			012711699	21/09/2011	CA TP Hà Nội	P6.06, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội			
4	Phạm Minh Hùng		Phó Giám đốc	012016143	05/03/2004	CA TP Hà Nội	SN54, Tổ 15, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	200,000	4.43	
4.1	Nguyễn Thị Hà			012637178	05/09/2003	CA TP Hà Nội	SN54, Tổ 15, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội			
4.2	Phạm Minh Hà Anh			còn nhỏ			SN54, Tổ 15, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội			
4.3	Phạm Minh Đại Nghĩa			còn nhỏ			SN54, Tổ 15, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội			
4.4	Phạm Thanh Hòa			012826946	27/10/2005	CA TP Hà Nội	CT3, Khu Tập thể Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội			
5	Ninh Quốc Cường		UV HĐQT, P.Giám đốc	013171863	28/03/2009	CA TP Hà Nội	SN 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn. Từ Liêm, Hà Nội	2,500	0.06	
5.1	Ninh Thị Lan			013153428		CA TP Hà Nội	SN 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn. Từ Liêm, Hà Nội			
5.2	Ninh Kiều Trang			013162344		CA TP Hà Nội	SN 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn. Từ Liêm, Hà Nội			
5.3	Ninh Thị Phương			013467104		CA TP Hà Nội	SN 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn. Từ Liêm, Hà Nội			

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5.4	Ninh Phương Quỳnh			còn nhỏ			SN 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội			
5.5	Ninh Thị Oanh						Yên Ninh, Ý Yên, Nam Định			
5.6	Ninh Văn Dũng						Yên Ninh, Ý Yên, Nam Định			
5.7	Ninh Gia Thịnh						Kiên Lương, Kiên Giang			
6	Nghiêm Thị Ngọc Diệp		UV HĐQT	012833245	19/12/2005	CA TP Hà Nội	1007 - 18T2 Khu ĐTTTHNC, Hà Nội			
6.1	Phạm Hùng			012899630	1/9/2006	CA TP Hà Nội	1007 - 18T2 Khu ĐTTTHNC, Hà Nội	6,300	0.14	
6.2	Phạm Việt Bảo			Còn nhỏ			1007 - 18T2 Khu ĐTTTHNC, Hà Nội			
6.3	Nghiêm Chí Dũng			011799642	29/07/2010	CA TP Hà Nội	Sn 32, Ngách 1194 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội			
6.4	Lâm Thị Hào			010233146	3/7/2007	CA TP Hà Nội	Sn 32, Ngách 1194 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội			
6.5	Nghiêm Trọng Đại			012695215	22/04/2004	CA TP Hà Nội	Sn 32, Ngách 1194 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội			
7	Trần Thị Đức Hạnh		Kế toán trưởng người CBTT	011759694	17/08/2010	CA TP Hà Nội	Số 15, Ngõ 66, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	2,000	0.04	
7.1	Nguyễn Huy Cường			011686295	25/12/2009	CA TP Hà Nội	Số 15, Ngõ 66, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội			
7.2	Nguyễn Huy Hoàn			còn nhỏ			Số 15, Ngõ 66, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội			
7.3	Phạm Thị Thoa			011026085	03/12/2002	CA TP Hà Nội	SN 123, TT viện thiết kế, xã Trung Văn, Hà Nội			
7.4	Trần Đăng Đức			011477647	18/12/1998	CA TP Hà Nội	SN 123, TT viện thiết kế, xã Trung Văn, Hà Nội			
8	Lương Xuân Mẫn		TB Kiểm soát	011346554	25/12/2007	CA TP Hà Nội	P504CT5 - ĐN2, Khu ĐT Mỹ Đĩnh 2, Từ Liêm, Hà Nội	29,000	0.64	
8.1	Huỳnh Thị Phương Dung			111584941	3/3/2003	CA TP Hà Nội	P504CT5 - ĐN2, Khu ĐT Mỹ Đĩnh 2, Từ Liêm, Hà Nội			

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
8.2	Lương Thị Hạnh Ngân			112230862	9/9/2005	CA TP Hà Nội	P504CT5 - ĐN2, Khu ĐT Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội			
8.3	Lương Xuân Phú			013088005	26/05/2008	CA TP Hà Nội	P504CT5 - ĐN2, Khu ĐT Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội			
8.4	Lương Thị Huân			Mất chứng minh thư			Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội			
8.5	Lương Thị Liên			111984824	09/04/2003	CA TP Hà Nội	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội			
8.6	Lương Thị Cường			Mất chứng minh thư			Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội			
8.7	Lương Thị Thanh			111356292	26/08/1995	CA TP Hà Nội	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội			
8.8	Lương Tuấn Minh			111120602	21/05/1999	CA TP Hà Nội	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội			
8.9	Lương Thị Lan			111059637	11/04/2005	CA TP Hà Nội	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	5,000	0.11	
8.10	Lương Minh Tuấn			012641894	15/09/2006	CA TP Hà Nội	Phùng Chí Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội			
9	Trần Lan Phương		TV Ban kiểm soát	186639011	11/06/2005	CA Nghệ An	P403, Tập thể D11, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội			
9.1	Lê Thị Nhân			186944790	16/11/2007	CA Nghệ An	TP Vinh, Nghệ An			
9.2	Trần Công Huy			187143450	18/06/2009	CA Nghệ An	TP Vinh, Nghệ An			
10	Nguyễn Phương Thúy		TV Ban kiểm soát	090724528	16/07/2003	CA Thái Nguyên	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội			
10.1	Đặng Đình Vũ			111377177	25/04/2006	CA Hà Nội	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội			
10.2	Lưu Thị Thanh Bình			090574017	13/09/1986	CA Thái Nguyên	Gia Sàng - Thái Nguyên			
10.3	Nguyễn Đức Quang			090711171	27/03/2012	CA Thái Nguyên	Gia Sàng - Thái Nguyên			